

PHẦN I

LÍ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Trong khi nói hoặc viết ta không thể thuyết phục người khác nếu ta không chứng minh được điều ta nói là có lí, là đúng, là xác đáng...Do vậy, chứng minh là một thao tác nghị luận không thể thiếu trong bất kì hệ thống lập luận nào: dù phát biểu cảm nghĩ hay phân tích, dù giải thích hay bình luận thì trong các kiểu bài ấy vẫn có chứng minh. Với tư cách là một kĩ năng quan trọng, kiểu bài nghị luận chứng minh có thể coi là kiểu bài cơ sở để học sinh làm tốt các kiểu bài nghị luận khác. Chứng minh còn là kiểu bài để rèn luyện và phát huy khả năng trình bày rõ ràng, mạch lạc, thuyết phục một vấn đề trong cuộc sống của học sinh. Vậy mà, cũng như các kiểu bài Tập làm văn khác, văn nghị luận chứng minh không được học sinh yêu thích cho lắm. Tập làm văn nói chung và văn nghị luận nói riêng đã và đang là môn học đáng ngại nhất đối với đa số học sinh.

Có thể nói một cách khách quan, kiểu bài nghị luận nói chung và kiểu bài nghị luận chứng minh nói riêng là khó đối với học sinh THCS, nhất là đối với học sinh lớp 7. Có rất nhiều lý do, theo tôi là lý do những năm học tiểu học, học lớp 6 các em đang quen với kiểu văn sáng tác, kể chuyện, biểu cảm... và phải chăng cũng có một lý do nữa là ở cách dạy của giáo viên: yêu cầu các em phải nắm được quá nhiều khái niệm, yêu cầu, chú ý, ghi nhớ...làm cho các em thấy kiểu bài này thật xa lạ và rắc rối. Vậy làm thế nào để học sinh có thể viết được một bài văn chứng minh đúng và hay? Câu hỏi đó luôn làm tôi trăn trở mỗi khi giảng dạy kiểu bài nghị luận chứng minh. Để có được một bài văn chứng minh hoàn chỉnh, học sinh được luyện từng kĩ năng với những thao tác cụ thể. Muốn vậy cần có một hệ thống bài tập tốt vừa sức, từ đơn giản đến khó. Qua những bài cụ thể ấy, các em sẽ hiểu rõ hơn mình cần phải làm gì, làm như thế nào để đạt yêu cầu. Tất nhiên, cái đích của các em vẫn là viết một bài văn nghị luận chứng minh hoàn chỉnh. Song thiết nghĩ các em đã được luyện có kĩ năng viết đoạn

văn chứng minh đủ, đúng và hay thì con đường đi đến cái đích ấy không mấy khó khăn.

Từ những suy nghĩ trăn trở đó, tôi mạnh dạn trình bày một số kinh nghiệm nhỏ của mình trong việc dạy kiểu bài nghị luận chứng minh với đề tài "Kinh nghiệm trong việc hướng dẫn học sinh lớp 7 viết đoạn văn nghị luận chứng minh". Với việc áp dụng phương pháp này tôi đã đạt được kết quả khả quan hơn so với 2 năm trước đây. Song đề tài mang tính chất phương pháp cá nhân nên không tránh khỏi sai sót, tôi rất mong nhận được sự góp ý của đồng nghiệp để đề tài được hoàn thiện hơn.

PHẦN II

PHẦN NỘI DUNG

A. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu và cơ sở để xây dựng hệ thống bài tập

I. Đối tượng nghiên cứu

- Học sinh lớp 7G trường THCS Thái Thịnh năm học 2014-2015.

II. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp hệ thống.
- Phương pháp đối sánh giữa thực tiễn dạy- học với lý luận dạy học.
- Phương pháp phân tích - tổng hợp.
- Phương pháp tích hợp, phối hợp với các phân môn, môn học khác.
- Phương pháp thuyết minh...

III. Cơ sở để xây dựng hệ thống bài tập

1. Cơ sở lý luận

- Trong các phân môn của bộ môn Ngữ văn, Tập làm văn có vị trí đặc biệt trong quá trình học tập và thi cử. Dạy Văn và tiếng Việt là khó, dạy Tập làm văn lại có những cái khó riêng. Bởi vì, hơn bất cứ phân môn nào, ở đây giáo viên phải đặc biệt coi trọng chủ thể trò, giữ đúng vai trò người hướng dẫn, điều chỉnh để hoạt động tư duy và kỹ năng thực hành của học sinh đi đúng hướng nhằm tiến tới viết (hoặc nói) được văn bản quy định trong chương trình.

Để đảm bảo tính thực hành giáo viên có nhiều hình thức tổ chức hoạt động cho học sinh với nhiều dạng bài tập và có không ít những biện pháp thúc đẩy hoạt động tích cực của học sinh. Chẳng hạn: từ quan sát, bắt chước, nhận biết đến sáng tạo. Trong sáng tạo cũng từ sáng tạo bộ phận đến sáng tạo toàn thể. Dù xây dựng hệ thống bài tập nào cũng luôn nắm vững nguyên tắc: từ bài tập dẫn học sinh rút ra phương pháp làm bài tập làm văn, dùng bài tập để luyện kỹ năng cụ thể.

Để có thể làm được một bài văn hoàn chỉnh, học sinh cần luyện cách tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn ý, viết đoạn và liên kết đoạn, trong đó kỹ năng viết đoạn

là cơ bản nhất. Bởi một bài văn nghị luận chứng minh gồm nhiều đoạn văn, những đoạn văn ấy cùng hướng vào làm sáng tỏ vấn đề cần chứng minh. Và điều quan trọng là không phải cách viết đoạn văn nào cũng giống nhau mà phụ thuộc vào yêu cầu, chức năng, vai trò của đoạn văn để có cách viết phù hợp. Qua đoạn văn chứng minh cụ thể, làm cho học sinh có được thao tác chứng minh: nêu luận điểm (câu chốt), cách đưa và sắp xếp dẫn chứng, cách phân tích dẫn chứng... một cách rõ ràng, mạch lạc, có sức hấp dẫn và thuyết phục. Đó chính là những yếu tố cơ bản của kiểu bài nghị luận chứng minh.

Nói tóm lại, không thể có một bài văn chứng minh đúng và hay nếu như không dạy các em kỹ năng viết đoạn văn chứng minh.

2. Cơ sở thực tiễn.

- Chương trình sách giáo khoa Ngữ văn 7 đã thể hiện được yêu cầu tích hợp ba phân môn Văn - Tiếng việt - Tập làm văn, tuy nhiên vẫn phải luôn tạo điều kiện cho việc đảm bảo yêu cầu riêng có tính chất tương đối độc lập của mỗi phân môn. Kiểu bài nghị luận chứng minh chương trình Ngữ văn 7 dành 4 bài với thời lượng là 5 tiết

Tiết 87, 88 Tìm hiểu chung về phép lập luận chứng minh.

Tiết 91 Cách làm bài văn nghị luận chứng minh.

Tiết 92 Luyện tập lập luận chứng minh.

Tiết 100 Luyện tập viết đoạn văn chứng minh.

Nhìn vào chương trình và quá trình thực dạy, tôi nhận thấy chương trình có hướng đổi mới đó là chú ý đến kỹ năng thực hành luyện kỹ năng cho học sinh để có thể viết được một bài văn chứng minh.

- Trong thực tế, việc viết đoạn văn của học sinh còn rất kém, nhất là văn nghị luận đối với các em học sinh lớp 7 - vốn đã quen với những đoạn văn tự sự, miêu tả, biểu cảm. Trong giờ dạy, giáo viên yêu cầu viết đoạn văn là các em rất ngại thậm chí ngại hơn viết cả bài. Vì viết cả bài không được ý nọ còn được ý

kia, còn nếu viết đoạn mà không biết cách viết sẽ không thành một đoạn văn cụ thể là đoạn văn chứng minh theo yêu cầu.

- Với người giáo viên, sách giáo khoa vẫn là tài liệu quan trọng. Sách giáo khoa cung cấp cho người học những nguyên tắc, yêu cầu cần phải đạt tới của kiểu bài, của từng kỹ năng. Cho nên, vận dụng tốt sách giáo khoa là yêu cầu mà tất cả các giáo viên phải thực hiện. Vì vậy, tôi đã nghiên cứu kỹ sách giáo khoa và đặt ra tiêu chí khi dạy bài nghị luận chứng minh:

+ Coi từng tiết dạy mà sách giáo khoa đã chia và sắp xếp theo từng bài là yêu cầu cần đạt của học sinh.

+ Bài tập nào của sách giáo khoa tốt thì tôi sử dụng khai thác, bài tập nào chưa hay thì không bắt buộc học sinh phải làm.

+ Tôi quan niệm bài tập rèn kỹ năng viết đoạn tốt phải vừa sức với tâm lý và nhận thức của lứa tuổi học sinh, phải thể hiện được tính chất, yêu cầu tích hợp của bộ môn.

Dựa trên những cơ sở đó, tôi xác lập một hệ thống bài tập cụ thể như sau

I. Bài tập nhận biết đoạn văn chứng minh.

II. Bài tập luyện viết đoạn mở bài, đoạn kết bài.

III. Bài tập luyện các kỹ năng cơ bản để viết đoạn văn chứng minh

1. Bài tập chọn dẫn chứng.
2. Bài tập sắp xếp dẫn chứng.
3. Bài tập phân tích dẫn chứng.
4. Bài tập diễn đạt.
5. Bài tập chữa lỗi sai.

Dạng bài tập chữa lỗi sai như sai về dẫn chứng, sai về diễn đạt, trình bày..., tôi kết hợp đưa vào cùng với các dạng bài trên.

Với hệ thống bài tập như trên, tôi sử dụng để:

- Vào bài mới.
- Dạy trên lớp - củng cố lý thuyết.

- Dạy trong giờ rèn luyện kỹ năng.
- Giao bài về nhà để học sinh luyện viết.

B. Một số bài tập rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn chứng minh:

Trước khi luyện viết đoạn văn, học sinh đã được rèn kỹ năng tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn ý cho một bài văn chứng minh cụ thể. Chính vì vậy, ở phần này, tôi chỉ đưa ra hệ thống bài tập với mục đích rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn chứng minh.

I. Bài tập nhận biết đoạn văn và đoạn văn chứng minh

Thực tế, học sinh đã biết một đoạn văn qua tìm hiểu các văn bản (giờ văn học), qua các tiết học tiếng Việt với yêu cầu viết đoạn văn. Nhưng với học sinh lớp 7, chưa có tiết học dành riêng cho việc tìm hiểu thế nào là đoạn văn. Vì vậy, để giúp các em hiểu rõ, nắm vững thế nào là đoạn văn, tôi ra dạng bài tập này:

Bài tập 1: Những tập hợp sau đây có thể coi là đoạn văn không?

a. Hồ Chí Minh là một trong những tên tuổi sáng ngời nhất của dân tộc Việt Nam. "Những trò lố hay Va ren và Phan Bội Châu" là tác phẩm viết bằng tiếng Pháp của Người.

b. Bài thơ "Qua đèo Ngang" là bức tranh đẹp về một vùng non nước. Cụm từ "Ta với ta" tả nỗi buồn của một con người, cảm thấy lẻ loi, cô đơn giữa một không gian bao la trời mây nước. Đọc "Qua đèo Ngang" ta được thấy phong cách thơ trang nhã, điêu luyện rất tiêu biểu cho thơ Đường luật của Bà Huyện Thanh Quan.

c. Gần trưa, chúng tôi mới đến trường học, tôi dắt em đến lớp 4B, cô giáo Tâm đang giảng bài. Chúng tôi đứng nép vào góc cây trước cửa lớp, em cắn chặt môi im lặng, mắt lại đăm đăm nhìn khắp sân trường từ cột cờ đến tấm bảng tin và những vạch than vẽ ô ăn quan trên hè gạch. Rồi em bật khóc thút thít.

(Khánh Hoài - Ngữ văn 7)

Hướng dẫn:

Học sinh sẽ nhận ra cả ba tập hợp trên xét về hình thức là đoạn văn. Xét về nội dung (a), (b) chưa đảm bảo.

+ Hai câu văn tập hợp (a) chưa có sự liên kết.

+ Tập hợp (b) có vẻ mang dáng dấp của một đoạn văn khá rõ với câu đầu tiên như là một câu có vai trò mở ra đề tài của đoạn. Nhưng những câu viết sau không gắn bó gì với đề tài ấy (mặc dù cả 3 câu đề viết về bài thơ “Qua Đèo Ngang”).

Chỉ có tập hợp (c) xét về cả nội dung và hình thức đảm bảo là một đoạn văn (nội dung: kể việc anh em Thuý, Thành đến trường chia tay cô giáo).

Giáo viên chốt (cung cấp kiến thức): Vậy đoạn văn là thế nào?

“Đoạn văn là đơn vị trực tiếp tạo nên văn bản, bắt đầu từ chỗ viết hoa lùi đầu dòng, kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng và thường biểu đạt một ý tương đối hoàn chỉnh. Đoạn văn thường do nhiều câu tạo thành.”

(Ngữ văn 8- tập I)

Khi đã có khái niệm về đoạn văn, các em cần phân biệt đoạn văn chứng minh khác với các đoạn văn khác nên tôi đưa bài tập 2

Bài tập 2: Chọn đáp án đúng nhất.

a. "Đẹp quá đi, mùa xuân ơi - mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thân mến. Nhưng tôi yêu mùa xuân nhất là vào khoảng sau ngày rằm tháng Giêng. Tết hết mà chưa hết hẳn, đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong, cỏ không mướt xanh như cuối đông đầu giêng nhưng trái lại, lại nức mùi hương man mác."

(Mùa xuân của tôi-Vũ Bằng)

- A. Đoạn văn tự sự.
- B. Đoạn văn miêu tả.
- C. Đoạn văn biểu cảm.
- D. Đoạn văn chứng minh.

b. “Lịch sử ta có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta. Chúng ta có quyền tự hào về những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung... Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng.”

(Tinh thần yêu nước củanhân dân ta-Hồ Chí Minh)

- A. Đoạn văn tự sự.
- B. Đoạn văn miêu tả.
- C. Đoạn văn chứng minh.
- D. Cả 3 A, B, C.

Hướng dẫn: Học sinh chọn đáp án C (cho cả 2 đoạn).

- Với (a) giáo viên muốn nhắc lại cho học sinh về một đoạn văn biểu cảm.
- Với (b) giáo viên giúp các em nhận rõ đây là đoạn văn chứng minh.

Đoạn văn chứng minh thường nêu lên một ý kiến và có những dẫn chứng, lý lẽ làm rõ ý kiến đó.

II. Bài tập luyện viết đoạn văn chứng minh.

1. Luyện viết đoạn mở bài.

Trước khi học kiểu bài nghị luận chứng minh, học sinh đã được học, được làm bài tập làm văn hoàn chỉnh như kiểu bài tự sự, miêu tả, biểu cảm. Đến kiểu bài chứng minh, cách viết có nhiều điểm khác và viết mở bài cũng có những yêu cầu khác phù hợp với kiểu bài nghị luận chứng minh. Như đã trình bày ở phần đầu: kiểu bài chứng minh là cơ sở cho các kiểu bài nghị luận khác. Vì vậy, việc rèn kỹ năng viết đoạn văn mở bài là điều cần thiết và sẽ là điều kiện thuận lợi cho học sinh làm các kiểu bài nghị luận sau này (giải thích, phân tích, nghị luận tổng hợp...).

*** Yêu cầu:**

- Mở bài phải giới thiệu cho người đọc thấy rõ vấn đề sẽ chứng minh trong bài.

- Mở bài nên gọn, tự nhiên, phù hợp với bài viết, gây được tâm thế cho cả người viết và người đọc.

Bài "**Cách làm bài văn nghị luận chứng minh**" (Sách giáo khoa ngữ văn 7) có hướng dẫn ba cách mở bài sau đây:

- + Đi thẳng vào vấn đề.
- + Suy từ cái chung đến cái riêng.
- + Suy từ tâm lý con người.

Trong thực tế giảng dạy, tôi nhận thấy các em được làm quen với ba cách mở bài trên, nhưng khi cho đề bài khác, các em rất vất vả, khó khăn khi thực hiện yêu cầu đầu tiên đó là viết mở bài. Các em không biết bắt đầu như thế nào? Viết cái gì? Viết ra sao?...

Sau khi các em làm quen với những cách mở bài trên, tôi đưa ra các đoạn văn mở bài sai để học sinh nhận ra lỗi sai. Từ đó, học sinh có thể hiểu được yêu cầu của đoạn văn mở bài và viết đúng.

Bài tập 1: Có hai đoạn mở bài cho đề chứng minh:

“Ca dao là tiếng hát về tình cảm gia đình đầm ấm và ngọt ngào.”

a. Trong gia đình Việt Nam có những tình cảm ngọt ngào và đầm ấm. Thứ tình cảm ngọt ngào, đầm ấm thiêng liêng ấy mà hầu như ai trong mỗi con người chúng ta đều có là tình cảm gia đình. Chính vì vậy, ta có thể khẳng định rằng: *Ca dao là tiếng hát về tình cảm gia đình đầm ấm và ngọt ngào.*

b. Chúng ta được lớn lên trong tình yêu thương của gia đình. Trong lời ru của bà, của mẹ. Lòng nhân ái của cha. Những tình cảm đó được dân gian gửi gắm vào ca dao.

Hãy nêu nhận xét của em về những mở bài đó.

Hướng dẫn:

a. Nêu được vấn đề chứng minh nhưng cách diễn đạt chưa đạt yêu cầu.

- Câu (1), (2) diễn đạt còn vụng, lủng lảng, không thoát ý, lặp từ "ngọt ngào đầm ấm".

- Câu (1), (2) chưa nói gì đến ca dao, vậy mà câu (3) đã khẳng định: "Ca dao là...".

b. Nêu vấn đề chứng minh song lại cụ thể, chi tiết, chưa có sức khái quát vấn đề. Sai ngữ pháp ở câu (2), (3).

* Giáo viên cho học sinh tham khảo các mở bài sau:

Cách 1: Để ca ngợi tình cảm của người lao động xưa, ca dao có nhiều bài nghe tha thiết và cảm động. Lời ca ngọt ngào và đầm thắm biết bao khi ngợi ca tình cảm gia đình.

Cách 2: Ca dao là cây đàn muôn điệu, là tiếng nói đời sống tình cảm tâm hồn người Việt xưa. Những lời ca ấy diễn tả thật chân thành và xúc động về tình cảm của con người. Và tiếng hát về tình cảm gia đình trong ca dao ngọt ngào và đầm thắm biết bao.

Cách 3: Tình cảm gia đình là tình cảm thiêng liêng trong trái tim mỗi chúng ta, là cơ sở để giáo dục nhân cách con người. Cha ông ta rất coi trọng tình cảm con người và để lại những lời ca thật ngọt ngào đầm thắm ngợi ca tình cảm thiêng liêng ấy.

* Giáo viên chốt lại cách viết mở bài:

Có nhiều cách mở bài:

• *Mở bài trực tiếp:* Đi thẳng vào vấn đề chứng minh, đề bài yêu cầu chứng minh vấn đề gì thì viết luôn vấn đề đó. Cách này ngắn gọn, đúng vấn đề nhưng dễ khô khan.

• *Mở bài gián tiếp:*

- Không đi thẳng vào vấn đề chứng minh mà dẫn dắt vấn đề bằng nhiều cách:

+ Nêu xuất xứ của vấn đề chứng minh (Ví dụ: đề là câu ca dao thì dẫn từ ca dao...).

+ Đưa ra một so sánh, một câu tục ngữ, ca dao, một câu nói hoặc trích dẫn thơ... (có nội dung tương đương).

+ Nêu lý do đưa đến bài viết (vấn đề chứng minh có cần thiết, có thiết thực với đời sống không?...)

- Sau phần dẫn dắt là phần:

+ Nêu vấn đề chứng minh.

+ Phạm vi chứng minh.

+ Trích dẫn trực tiếp hoặc gián tiếp vấn đề chứng minh đã nêu ở đề bài.

Để có thể viết đúng, theo hướng dẫn của giáo viên, học sinh có thể thực hiện được yêu cầu. Song từ chỗ đạt yêu cầu ấy, học sinh cần vươn tới cái đích là viết hay. Vì vậy, giáo viên cần đưa ra các bài tập luyện diễn đạt - lựa chọn cách diễn đạt hay để phần mở bài đúng với vai trò của nó là làm cho người đọc có được ấn tượng ban đầu về bài viết, tạo âm hưởng chung cho toàn bài.

Bài tập 2: Đề mở bài cho đề: Chứng minh: "*Hình tượng Bác hồ là hình tượng đẹp trong thơ ca*", có nhiều bạn đã viết.

1. Bác Hồ là vị lãnh tụ cách mạng vĩ đại của dân tộc ta. Người là đề tài lớn trong thơ ca. Và trong thơ, ta bắt gặp hình tượng của Người.

2. Nhà thơ Bảo Định Giang có câu:

"Tháp mười đẹp nhất bông sen

Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ"

Con người đẹp ấy đã đi vào trong thơ và là một hình tượng đẹp.

3. Thơ với Bác là một sự kết hợp tuyệt vời. Thơ là cái đẹp của nghệ thuật, Bác là vẻ đẹp của cuộc đời. Thơ viết về Bác thì đúng là trong cái đẹp lại có cái đẹp. Hình tượng Bác là hình tượng đẹp trong thơ ca.

4. Xúc động trước tình cảm cao đẹp của Bác dành cho các anh bộ đội, Minh Huệ viết: "Người cha mái tóc bạc

Đốt lửa cho anh nằm".

Hình tượng Bác Hồ là hình tượng đẹp trong thơ ca.

Theo em mở bài nào hay?

Hướng dẫn:

Học sinh dễ dàng nhận thấy (2) và (3) là những mở bài hay.

- Mở bài (1) đúng, không sai nhưng cách diễn đạt còn chung chung, chưa bắt được yêu cầu của đề bài.

- Mở bài (4):

+ Dẫn câu thơ chưa có sức thuyết phục, chưa có sức khái quát so với yêu cầu của đề bài.

+ Giữa 2 câu sự liên kết còn lỏng lẻo.

2. Luyện viết đoạn kết bài.

Trong thực tế, tôi nhận thấy học sinh rất ít chú ý đến đoạn kết bài, chỉ tóm lược nội dung của bài hay liên hệ đôi câu công thức là xong. Đó là một thói quen xấu, làm ảnh hưởng rất lớn tới chất lượng bài viết. Vì thế, giáo viên cũng cần dành thời gian thích đáng để học sinh được luyện viết đoạn văn kết bài.

* Kết bài phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Phần kết bài phải thể hiện đúng quan điểm đã trình bày ở phần trên (thân bài).

- Kết bài nêu ra ý kiến khái quát, tổng hợp, đánh giá vấn đề đã trình bày.

*Có 4 cách kết bài:

- Tóm tắt nội dung đã nêu ở thân bài.

- Phát triển: Mở rộng thêm vấn đề đặt ra trong đề bài.

- Vận dụng: Nêu phương hướng, bài học áp dụng hay phát huy, khắc phục vấn đề nêu trong bài.

- Liên tưởng: Mượn ý kiến tương tự, những ý có giá trị để thay thế cho lời tóm tắt của người làm bài.

Yêu cầu của kết bài cũng giống như mở bài, không chỉ đúng mà còn phải hay. Muốn làm được điều đó, giáo viên phải luyện cho các em viết, phải cho các em ý thức được rằng nếu chưa có một kết bài ưng ý thì chưa bằng lòng vì bài viết chưa hoàn chỉnh.

Trong bài "*Cách làm bài văn nghị luận chứng minh*" có hướng dẫn viết đoạn kết bài tôi đưa ra một số bài tập như sau:

Bài tập 1: Nêu nhận xét của em về các đoạn kết bài của đề bài: Chứng minh "*Ca dao là tiếng hát về tình cảm gia đình đầm ấm và ngọt ngào*".

Kết bài 1: Những tình cảm trên chúng tỏ một tình cảm gia đình đầm ấm và ngọt ngào, thể hiện bằng những câu ca dao.

Kết bài 2: Tình cảm gia đình gắn bó ngọt ngào, đầm ấm được thể hiện rõ trong ca dao như những lời ca ngọt ngào, đầm ấm nhất. Thể hiện trong cuộc sống hàng ngày những tình cảm trong sáng.

Hướng dẫn: Cả 2 kết bài đều chưa đạt yêu cầu, chưa gây được tình cảm ấn tượng, tạo dư âm cho người đọc về bài viết.

Kết bài 1: Nhắc lại nội dung của vấn đề chứng minh - diễn đạt vụng về.

Kết bài 2: Lỗi lặp từ, diễn đạt không thoát ý.

Bài tập 2: Để kết bài cho đề: Chứng minh "*Ca dao là tiếng hát về tình cảm gia đình đầm ấm và ngọt ngào*", em thích đoạn viết nào hơn.

1. Kính trọng, biết ơn ông bà tổ tiên, ghi nhớ công lao của cha mẹ, tình anh em gắn bó, nghĩa vợ chồng thủy chung son sắt. Đó là những tình cảm gia đình được ca dao diễn tả một cách bình dị, mộc mạc mà chân thành thấm thía. Tình cảm gia đình là một trong những tình cảm đẹp của con người Việt Nam để chúng ta tự hào, trân trọng và gìn giữ mãi mãi với thời gian.

2. Với lời ca nhẹ nhàng, đầm ấm, ca dao giúp ta hiểu, thấm thía hơn về tình cảm gia đình - tình cảm thiêng liêng nhất trong mỗi con người. Chúng ta phải sống sao cho đẹp, sống sao cho tốt để hạnh phúc gia đình mãi mãi bên ta.

3. Những bài ca dao trên tuy chưa phải là nhiều so với kho tàng ca dao Việt Nam, song cũng phần nào nói lên được tình cảm gia đình gắn bó, yêu thương. Từ lâu, những tình cảm ấy đã in đậm trong tim mỗi người dân Việt Nam, để rồi trở thành một truyền thống quý báu, tốt đẹp như lời của một bài hát nhẹ nhàng, tha thiết mà thấm thía: "*Gia đình, gia đình vương vấn bước chân ra đi, ấm áp trái tim quay về...*"

Học sinh trình bày ý kiến về cảm nhận của mình. Đây là những kết bài hay, phù hợp với yêu cầu của đề bài, tạo được ấn tượng tốt cho người đọc.

Bài tập 3: Hãy viết ít nhất hai kết bài cho đề bài sau:

Chứng minh rằng nhân dân Việt Nam từ xưa đến nay luôn sống theo đạo lý "*Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*".

Sau khi đã được giáo viên hướng dẫn, học sinh viết được những đoạn kết bài như sau:

1. Lòng biết ơn "*Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*" - là phẩm chất đạo đức vô cùng cao quý và cần có trong mỗi con người. Nó sẽ trở nên sâu sắc, ý nghĩa khi được thể hiện bằng những việc làm, hành động cụ thể. Ai cũng có lòng biết ơn, có lối sống ân nghĩa, thủy chung thì mọi người luôn sống gần nhau hơn, xã hội sẽ là một gia đình chung ấm áp biết bao!

(Nguyễn Minh Thu – 7G)

2. Bằng hình ảnh ẩn dụ giản dị, mộc mạc, câu tục ngữ cho ta bài học luân lý sâu sắc. Nó nhắc nhở chúng ta về đạo làm con, đạo thầy trò, nghĩa vụ của người công dân đối với Tổ quốc. Lòng biết ơn phải được khắc sâu vào tâm hồn mỗi chúng ta, phải được gìn giữ bền vững mãi mãi cùng với thời gian.

(Cao Thanh Túc – 7G)

III. Bài tập luyện các kỹ năng cơ bản của đoạn văn chứng minh

*** Thân bài là phần trọng tâm có nhiệm vụ:**

- Phát triển những ý chính đã nêu ở phần mở bài.
- Dùng lý lẽ và dẫn chứng (luận cứ) làm sáng rõ vấn đề nêu ở phần mở bài.

*** Thân bài gồm nhiều đoạn văn:**

- Mỗi đoạn văn chứng minh diễn đạt một ý cơ bản (luận điểm), ý này thường đặt ở đầu đoạn văn hoặc cuối đoạn văn. Nội dung các câu trong đoạn văn hướng vào nội dung của câu chủ đề (ý cơ bản - luận điểm) và có nhiệm vụ làm sáng rõ luận điểm ở câu chủ đề đó.

- Trong đoạn văn chứng minh cần đảm bảo sự thống nhất giữa ý cơ bản của toàn đoạn và dẫn chứng, giữa dẫn chứng và lời văn phân tích.

* Đoạn văn phân thân bài thường có cấu tạo 2 phần: Lời lập luận thuyết minh và dẫn chứng.

Dẫn chứng trong văn chứng minh được coi là linh hồn của bài văn. Trong phần tập làm văn, các bài về kiểu văn nghị luận chứng minh ví dụ bài: "Cách làm bài văn nghị luận chứng minh" không hướng dẫn cụ thể cách viết đoạn thân bài, cũng không có những đoạn mẫu tham khảo. Vì vậy, tôi đưa ra một hệ thống bài tập rèn các kỹ năng cơ bản, để học sinh có thể viết được đoạn văn chứng minh (phần thân bài) đúng và hay.

1. Bài tập rèn kỹ năng đưa dẫn chứng.

Việc sử dụng dẫn chứng không theo nguyên tắc bình quân mà ý nào quan trọng thì đưa dẫn chứng nhiều, ý nào không quan trọng thì dùng dẫn chứng ít.

Có nhiều cách đưa dẫn chứng:

- Dẫn trực tiếp: Dẫn nguyên văn một câu, một đoạn... chính xác như nguyên bản (khi sử dụng phải đặt trong dấu ngoặc kép và có chú thích khi cần).

- Dẫn gián tiếp: Chỉ cần đại ý, đảm bảo đúng ý, không cần chính xác câu chữ như nguyên tác (khi phải tóm tắt câu chuyện, tóm tắt nhiều hành động, lời phát biểu hoặc một đoạn văn mà mình không thuộc...).

- Có thể đưa dẫn chứng liệt kê (khi ý đã rõ ràng, hiển nhiên hoặc không cần chi tiết hoặc dùng dẫn chứng sau soi sáng cho dẫn chứng trước...).

- Có thể đưa dẫn chứng kèm theo phân tích thuyết minh.

Bài tập 1: Hãy nhận xét cách đưa dẫn chứng ở hai đoạn văn sau:

1. “Tiếng Việt trong cấu tạo của nó là một thứ tiếng khá đẹp. Nét đẹp ấy được tác giả Đặng Thai Mai khẳng định: Tiếng Việt là thứ tiếng giàu chất nhạc. Điều đó, khiến chúng ta nhớ đến các bài thơ, những áng văn sinh động, đa thanh, giàu chất nhạc trong kho tàng văn học Việt Nam. Ta hãy lắng nghe đoạn thơ sau:

"Chú bé loắt choắt
Cái xác xinh xinh
Cái chân thoăn thoắt
Cái đầu nghênh nghênh
Ca lô đội lệch
Mồm huýt sáo vang
Như con chim chích
Nhảy trên đường vàng".

Nhạc tính của Tiếng Việt đã tấu lên ở âm sắc, những thanh điệu, cú pháp đẹp đẽ, uyển chuyển, sinh động biết bao trong đoạn thơ ấy."

(Hoàng Gia Bách- 7G)

→ Đưa dẫn chứng trực tiếp.

2. Trong cổ tích, bao giờ cái thiện cũng thắng cái ác. Cô Tấm sau bao lần chết đi sống lại rồi vẫn được làm hoàng hậu. Thạch Sanh qua bao lần oan khổ đã được làm vua. Chàng Sọ Dừa cuối cùng đoàn tụ hạnh phúc cùng cô Út dậu hiền...

(Lã Hà Quỳnh Nhi- 7G)

→ Đưa dẫn chứng gián tiếp.

Bài tập 2: Hãy chọn dẫn chứng thích hợp cho đoạn văn chứng minh:

Bác Hồ là một con người giản dị. Đức tính đáng quý, đáng trân trọng ấy được Bác thể hiện ở mọi nơi, mọi lúc, mọi phương diện đời sống. Trong sinh hoạt (.....). Không chỉ có vậy, Bác luôn sống thân ái, chan hoà đời sống với mọi người "đi thăm nhà tập thể của công nhân từ nơi làm việc đến phòng nghỉ, nhà ăn...". Vì vậy, tất cả mọi người đều thấy Bác gần gũi, thân thương.

Các dẫn chứng:

(1). Bác ở nhà sàn, quần áo sang trọng nhất là bộ ka ki đã bạc; nơi Bác nằm là giường mây, chiếu cói; thức ăn hàng ngày là vài món ăn giản đơn: rau luộc, cà muối, cá kho...

(2). "Mong manh áo vải hồn muôn trượng
Hơn tượng đồng phơi những lối mòn".

(3). "Bác ơi, tim Bác mênh mông thế
Ôm cả non sông mọi kiếp người".

(Tố Hữu)

Hướng dẫn:

Đọc đoạn văn học sinh hiểu được ý khái quát của toàn đoạn văn: Đức tính giản dị của Bác Hồ → Vì vậy, các em dễ dàng nhận thấy cần phải lựa chọn dẫn chứng nào?

(1) Dẫn chứng đầy đủ, toàn diện, tiêu biểu phù hợp với lý lẽ.

(2) Dẫn chứng là câu thơ có sức khái quát cao về đức tính giản dị của Bác, song trong văn cảnh này dẫn chứng không có sức thuyết phục như dẫn chứng (1).

(3) Dẫn chứng nói về Bác Hồ nhưng lại nói ở khía cạnh khác trong phẩm chất đạo đức sáng ngời của Người đó là tình yêu thương → không phù hợp.

2. Bài tập sắp xếp dẫn chứng.

Việc sắp xếp dẫn chứng rất quan trọng trong văn chứng minh. Đưa dẫn chứng nào trước, để dẫn chứng nào sau là một kỹ năng để bài viết mạch lạc, khoa học và nhiều khi còn thể hiện sắc thái tình cảm.

Bài tập : So sánh hai đoạn văn

1. Tiếng hát ngợi ca tình cảm vợ chồng trong ca dao cũng ngọt ngào, tha thiết biết bao. Cuộc sống cơ cực, bần hàn đến nỗi họ phải dùng những thứ mà người khác bỏ đi, thế mà bằng cử chỉ âu yếm, chăm sóc cho nhau, những thứ đó trong bữa cơm đạm bạc của họ trở nên tuyệt ngon với niềm vui hạnh phúc:

- “Râu tôm nấu với ruột bầu
Chồng chan vợ húp gật đầu khen ngon.”

Dù trong nghèo túng họ vẫn thương yêu, thủy chung với nhau:

- “Chồng em áo rách em thương

Chồng người áo gấm xông hương mặc người.”

Đó là sự thủy chung, son sắt, chia sẻ vất vả trong lao động cực nhọc, kiếm sống gian nan, nhưng họ vẫn hát lên tiếng ca đầy ân nghĩa:

- “Rủ nhau lên núi đốt than
Chồng mang đòn gánh vợ mang quang gánh
Củ than nhem nhuốc với tình
Ghi lời vàng đá xin đừng quên nhau”

2. Tiếng hát ngợi ca tình cảm vợ chồng trong ca dao cũng tha thiết ngọt ngào biết bao. Đó là sự thủy chung chia sẻ vất vả trong lao động cực nhọc kiếm sống gian nan nhưng họ vẫn hát lên tiếng ca ân nghĩa:

“Rủ nhau lên núi đốt than
Chồng mang đòn gánh vợ mang quang gánh
Củ than nhem nhuốc với tình
Ghi lời vàng đá xin mình chớ quên.”

Và dù trong nghèo túng, họ vẫn yêu thương thủy chung với nhau:

“Chồng em áo rách em thương
Chồng người áo gấm xông hương mặc người.”

Cuộc sống cơ cực, bần hàn đến nỗi họ phải dùng những thứ mà người ta bỏ đi, bằng cử chỉ âu yếm, chăm sóc cho nhau, những thứ đó trong bữa cơm trở nên tuyệt ngon với niềm vui hạnh phúc:

“Râu tôm nấu với ruột bầu
Chồng chan vợ húp gật đầu khen ngon.”

Hướng dẫn:

Đoạn 1: Dẫn chứng sắp xếp như vậy sẽ có cảm giác trình bày lộn xộn, làm nhạt đi cảm xúc của người viết.

Đoạn 2: Dẫn chứng được sắp xếp theo thứ tự tăng dần (tình cảm vợ chồng thủy chung, ấm áp trong lao động cực nhọc - nghèo túng - bần hàn cơ cực). Đoạn văn sẽ hay và sâu sắc hơn.

3. Bài tập luyện diễn đạt, trình bày.

Như trên đã trình bày, đoạn văn chứng minh thường có 2 phần: lời lập luận thuyết minh và dẫn chứng. Dẫn chứng đương nhiên là rất quan trọng, song lời phân tích, thuyết minh cũng quan trọng không kém. Giáo viên cần làm cho học sinh thấy, nếu không có lời phân tích, thuyết minh thì người đọc sẽ không hiểu tại sao lại dùng dẫn chứng này cho lý lẽ ấy hoặc vấn đề chứng minh khó có khả năng thuyết phục sâu sắc tới người đọc. Tôi cho học sinh tham khảo 2 đoạn văn sau:

Đoạn 1: Đối với Hồ Chí Minh, cái đẹp là cuộc sống thực tại trên mặt đất này

“Trong tù khoan khoái giấc ban trưa
Một giấc miên man suốt mấy giờ
Mơ thấy cười rông lên thượng giới
Tỉnh ra trong ngục vẫn nằm trơ.”

Không thể hiểu đúng tinh thần bài thơ này nếu không nhận ra nụ cười mỉa mai kín đáo và giấc mơ “cười rông” của người thi sĩ. Tất nhiên, Hồ Chí Minh khát khao tự do hơn ai hết, nhưng không hề muốn cười rông bay lên trời. Nếu quả thực phải bay lên trời thì chắc thà Người ở trong ngục, thà ở cũi trần đau khổ này còn hơn. Bài thơ tự trào thật chua chát, cay đắng nhưng không hề có tinh thần thoát tục...

Đoạn 2: “Nhật kí trong tù” thể hiện một tinh thần dân chủ sâu sắc của mỹ học Hồ Chí Minh:

“Đầy mình đỏ tím như hoa gắm
Sột soạt luôn tay tựa gảy đàn
Mặc gắm bạn tù đều khách quý
Gảy đàn trong ngục thầy tri âm”.

Bài thơ có giọng đùa vui thoải mái giống như nhiều bài thơ khác của Hồ Chí Minh. Qua tiếng cười rất đỗi hồn nhiên ấy, nhà thơ muốn nói điều này: Hồ Chí Minh cũng chẳng phải xương thịt gì đặc biệt, da thịt cũng như da thịt mọi người mà thôi, bần thì gẻ, gẻ thì gãi và gãi gẻ cũng có những cái thú riêng của nó. Cả một nhà lao cùng gãi gẻ thì thật hiểu nhau vô cùng, thật là “tri âm, tri kỷ”... Có ai đó nói rất đúng rằng: Hồ Chí Minh rất vĩ đại nhưng vĩ đại nhất là Bác không bao giờ tự coi mình là vĩ đại. Đó chính là trường hợp bài thơ này.

Giáo viên chỉ rõ cho học sinh thấy: nếu không có đoạn phân tích thì người đọc không thể hiểu được tại sao người viết lại dùng dẫn chứng này cho lập luận ấy.

Để viết hay, hấp dẫn, người viết phải biết trình bày linh hoạt giữa hai yếu tố: dẫn chứng và phân tích. Có thể thực hiện theo các cách sau:

- Dẫn chứng - phân tích.
- Phân tích - dẫn chứng.
- Phân tích - dẫn chứng - phân tích.

Bài tập 1: Giáo viên đưa ra tình huống - Học sinh thảo luận

Có người nói: "*Làm văn chứng minh cũng dễ thôi, chỉ cần nêu luận điểm và dẫn chứng là xong*". Ví dụ sau khi nêu luận điểm "*Tiếng Việt ta giàu đẹp*", chỉ cần dẫn ra câu ca dao :

Trong đầm gì đẹp bằng sen.

Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng...

Theo em, nói như vậy có đúng không? Để làm được văn chứng minh, ngoài luận điểm và dẫn chứng, còn cần phải có thể điều gì? Có cần chú ý tới chất lượng của luận điểm và dẫn chứng không? Chúng cần phải như thế nào thì đạt yêu cầu?

Hướng dẫn:

Giáo viên lưu ý cho học sinh thấy là qua câu trả lời, người nói tỏ ra không hiểu về cách làm văn lập luận chứng minh. Chứng minh trong văn nghị luận đòi

hỏi phải phân tích, diễn giải sao cho dẫn chứng "nói lên" điều mình muốn chứng minh. Điều cần lưu ý nữa là dẫn chứng phải tiêu biểu. Câu ca dao trên làm theo thể lục bát, tiêu biểu cho Tiếng Việt đẹp về thanh điệu, vần nhịp nhưng phải diễn giải thì điều cần chứng minh ở đó mới có sức thuyết phục.

Bài tập 2: (Chữa lỗi diễn đạt, trình bày). Có bạn học sinh đã viết một đoạn của đề bài chứng minh: "*Ca dao là tiếng hát về tình cảm gia đình đầm ấm và ngọt ngào*" như sau:

Những câu ca dao nói về tình cảm giữa con cháu và ông bà tổ tiên của mình: "Chim có tổ người có tông".

Câu ca dao này cho cho thấy mọi người khi sinh ra thì ai cũng phải có nguồn gốc tổ tiên của mình.

“Ngó lên nuộc lạt mái nhà
Bao nhiêu nuộc lạt nhớ ông bà bấy nhiêu.”

Tình cảm của con cháu đối với ông bà được câu ca dao này nói tới.

Hãy nêu nhận xét của em về đoạn văn trên?

Hướng dẫn:

- Đoạn văn đã triển khai luận điểm: Ca dao là tiếng hát về tình cảm giữa con cháu đối với ông bà.

- Cách diễn đạt vẫn chưa đạt yêu cầu.

+ Lý lẽ nói ca dao, dẫn chứng nêu là tục ngữ → sai về thể loại.

+ Giữa 2 dẫn chứng không liên mạch, cách đưa dẫn chứng giống nhau (dẫn chứng - phân tích).

+ Lời phân tích thuyết minh còn chung chung, còn rất vụng - không có sức thuyết phục, sức lay động lòng người.

Sau khi nghe hướng dẫn, học sinh đã viết:

Ca dao dành những lời trân trọng, thành kính nhất để nói về ông bà, tổ tiên của mình, ông bà là gốc của gia đình, cháu con luôn ghi nhớ công ơn phúc lộc mà ông bà để lại:

“Con người có cội, có ông

Như cây có cội như sông có nguồn.”

Cây có cội mới sống được, sông có nguồn mới có nước, mới thành sông. Mượn hình ảnh ẩn dụ "cội", "nguồn" câu ca dao muốn nói đến lòng biết ơn sâu sắc của con cháu đối với công ơn lớn lao của ông bà, tổ tiên. Và tình cảm nhớ thương ông bà là tình cảm con cháu luôn giữ gìn.

“Ngó lên nuộc lạt mái nhà

Bao nhiêu nuộc lạt nhớ ông bà bấy nhiêu.”

Mới ngó lên những mối buộc "nuộc lạt mái nhà" mà trong lòng con cháu đã trào dâng bao nỗi niềm nhớ thương. Phép so sánh "bao nhiêu..... bấy nhiêu" diễn tả tình cảm đó thật sâu nặng và nồng nàn biết bao!

Qua đoạn văn tham khảo, tôi muốn nhắc nhở các em phải linh hoạt, sáng tạo nhiều hơn khi viết đoạn văn chứng minh.

4. Bài tập luyện cách liên kết đoạn.

- Đoạn văn không tồn tại độc lập, riêng biệt mà chỉ là một bộ phận của bài văn, khi viết đoạn, phải xác định xem đoạn văn ấy nằm ở vị trí nào của bài văn, có thể mới tạo được sự liên kết, liền mạch của bài viết.

- Học sinh không chỉ viết đoạn tốt mà giữa các đoạn trong văn bản, kỹ năng liên kết đoạn cũng rất cần thiết.

Bài tập 1: Tìm hiểu cách liên kết đoạn của hai đoạn văn trong văn bản "Tinh thần yêu nước của nhân dân ta" của *Hồ Chí Minh*.

“Lịch sử ta đã có những cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của nhân dân ta. Chúng ta có quyền tự hào vì những trang sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung... Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng.

Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước. Từ các cụ già tóc bạc đến các cháu nhi đồng trẻ thơ, từ những kiều bào ở nước

ngoài đến những đồng bào ở vùng tạm bị chiếm, từ nhân dân miền ngược đến miền xuôi, ai cùng một lòng nồng nàn yêu nước, ghét giặc..."

Hướng dẫn:

- Hai đoạn văn cùng hướng về nội dung: Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.

+ Đoạn 1: Tinh thần yêu nước của nhân dân trong quá khứ.

+ Đoạn 2: Tinh thần yêu nước của nhân dân trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

- Hai đoạn văn liên kết liền mạch không chỉ bằng nội dung của các câu văn mà tác giả còn sử dụng câu chuyển ý rất tự nhiên: "*Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước*". Không chỉ có tác dụng liên kết mà còn diễn tả được lịch sử dân tộc anh hùng mang truyền thống yêu nước từ ngàn xưa được nối tiếp trong dòng chảy của thời gian, trong mạch nguồn sức sống của dân tộc.

Bài tập 2: Cho đề văn sau

Qua bài: "*Một thứ quà của lúa non: Cốm*" và "*Mùa xuân của tôi*" hãy chứng minh: Dù viết về một thứ quà bình dị hay về kỷ niệm của một người xa quê thì chỗ hay nhất của những áng văn xuôi ấy vẫn là tâm tình sâu nặng, thiết tha đối với quê hương đất nước.

Có bạn đã viết 2 đoạn văn cho đề trên như sau:

Qua ngòi bút Thạch Lam trong bài "*Một thứ quà của lúa non: Cốm*" và của Vũ Bằng trong bài "*Mùa xuân của tôi*" ta có thể nhận thấy: "Chỗ hay nhất của những áng văn xuôi ấy vẫn là tâm tình sâu nặng, thiết tha với quê hương đất nước". Thạch Lam đã gửi gắm tình cảm của mình trong cảm giác nhẹ nhàng, tinh tế, trong lành về màu cốm. Thoáng đi qua đầm sen hay đồng lúa, Thạch Lam đã nhớ cốm và cảm nhận được bước chân mùa cốm đang về. Với lòng yêu đất mẹ, nhà văn đã khẳng định: "*Cốm là thức dâng của những cánh đồng lúa bát ngát*".

(...) Ta hãy cảm động lắng nghe Vũ Bằng nhớ về mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội. Nhà văn nghĩ về cái tình yêu, nỗi nhớ rất tự nhiên của con người: "*Ai bảo bướm đứng thương hoa, trăng đứng thương gió...*" để rồi khẳng định nỗi nhớ niềm yêu rất con người của mình. Đọc văn của Vũ Bằng, ta cũng xúc động nao nao nhớ Hà Nội, như gặp một kỷ niệm nào trong nỗi nhớ của ông. Ôi cái "*mưa riêu riêu, gió lạnh lạnh ... tiếng trống chèo...*" làm sao không rung động nổi lòng, làm sao lại không đồng cảm với nỗi nhớ của người xa xứ được?

Em hãy giúp bạn chọn một trong những câu sau điền vào chỗ trống (...) để làm cho hai đoạn văn liên kết với nhau.

A. Thường thức một thứ quà bình dị là niềm yêu thương tha thiết của Thạch Lam, còn với Vũ Bằng - người con xa xứ - nhớ về quê hương lại là một niềm hạnh phúc lớn lao.

B. Tâm tình sâu nặng thiết tha của Thạch Lam là như vậy, còn với Vũ Bằng thì sao?

C. Đọc bài "Mùa xuân của tôi" các bạn sẽ thấy rõ điều đó.

D. "Mùa xuân của tôi" của Vũ Bằng cũng thật sâu nặng thiết tha đối với quê hương.

Hướng dẫn: Đáp án A, B, D.

Bài tập này nên chọn nhiều đoạn khác nhau để học sinh được rèn kỹ năng liên kết câu, liên kết đoạn.

- Có nhiều cách liên kết đoạn (liên kết nội dung, liên kết hình thức...)

+ Các câu viết trên là liên kết nội dung.

+ Có thể dùng những quan hệ từ, những phụ từ để liên kết (nhưng, và, cũng...).

Bài tập 3: Hãy viết hai đoạn văn chứng minh trình bày hai ý sau:

1. Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có.
2. Văn chương luyện cho ta những tình cảm ta sẵn có.

Ngoài những kỹ năng viết đoạn văn đã được rèn luyện nhiều, bài tập này chú ý kỹ năng liên kết đoạn. Với hai đoạn văn này, học sinh có thể dùng những câu liên kết đoạn như sau:

- Văn chương không những gây ra cho ta những tình cảm mà ta không có mà còn luyện cho ta những tình cảm ta sẵn có.

- Không chỉ đem đến cho ta những tình cảm ta không có mà văn chương còn làm cho những tình cảm ta sẵn có trở nên sâu sắc và thiết tha hơn.

Qua quá trình tìm tòi, học hỏi, trong quá trình giảng dạy tôi đã tiếp thu được những ý kiến bổ ích để làm hành trang cho mình. Như thạc sĩ Vũ Băng Tú nói: *“Dạy Tập làm văn thực chất là dạy thực hành viết văn. Đầu chỉ là những bài tập nhỏ trong chương trình. Học sinh không chỉ hiểu và thuộc lí thuyết là viết được. Điều chủ yếu là kỹ năng vận dụng ngôn ngữ biểu đạt tư tưởng. Bởi thế, người học phải được thực hành rất nhiều. Biết tổ chức quá trình thực hành, kiên nhẫn uốn nắn những chỗ sai sót của học sinh trong quá trình luyện tập là không thể thiếu ở năng lực sư phạm và phẩm chất nghề nghiệp của người giáo viên dạy Tập làm văn”*. Hệ thống bài tập này cũng là một cố gắng để vươn tới mục tiêu đó.

PHẦN III

KẾT LUẬN

Văn chứng minh là kiểu bài rất quan trọng của văn nghị luận. Vậy làm thế nào để học sinh có thể làm tốt bài văn nghị luận? Làm thế nào để học sinh diễn đạt mạch lạc, rõ ràng một vấn đề? Điều đó có thể thực hiện được khi giáo viên có hệ thống bài tập tốt rèn kỹ năng viết văn chứng minh đúng, hay, có sức thuyết phục. Qua việc áp dụng hệ thống bài tập trên đây với học sinh lớp 7G năm học 2014- 2015 trường THCS Thái Thịnh tôi nhận thấy kết quả khả quan:

- Trước hết là sự hào hứng vì học sinh không phải nghe và ghi nhớ quá nhiều lý thuyết mà từ những bài tập cụ thể học sinh có thể rút ra phương pháp luyện được kỹ năng viết đoạn văn chứng minh đúng và hay; viết bài văn nghị luận chứng minh hoàn chỉnh.

- Chất lượng học tập của học sinh được nâng lên rất nhiều. Kết quả bài kiểm tra tập làm văn nghị luận chứng minh (Bài viết số 5) lớp 7G đạt rất nhiều điểm khá, giỏi. Cụ thể như sau: 100% HS đạt điểm trên trung bình. Có 3 bài viết được điểm 9 của các HS: Hoàng Gia Bách, Vương Ngọc Diệp, Lã Hà Quỳnh Nhi. Có 7 bài viết đạt điểm 8. Còn lại đa số là điểm 7 và 7,5.

- Điều đáng chú ý là một số em không viết được một đoạn văn chứng minh hoàn chỉnh thì bây giờ cũng dễ dàng viết được đoạn, bài văn đạt yêu cầu.

Trên đây là một vài kinh nghiệm nhỏ của tôi khi dạy kiểu bài nghị luận chứng minh, nhất là rèn kỹ năng viết đoạn văn chứng minh cho học sinh lớp 7. Tôi nghĩ, muốn chất lượng đạt yêu cầu, ngoài phương pháp trên, giáo viên phải căn cứ vào từng đối tượng cụ thể, nắm chắc khả năng trình độ của học sinh thì kết quả đạt được còn đáng khích lệ hơn.

Trên đây là những kinh nghiệm của tôi trong quá trình giảng dạy kiểu văn nghị luận chứng minh cho học sinh lớp 7, chắc chắn đề tài của tôi khó tránh khỏi những khiếm khuyết. Vì vậy, tôi mong muốn nhận được sự góp ý chân thành của đồng nghiệp để đề tài của tôi được hoàn chỉnh hơn.

Một số bài viết của học sinh

Đề bài: Hãy chứng minh rằng “đời sống của chúng ta sẽ bị tổn hại rất lớn nếu mỗi người không có ý thức bảo vệ môi trường sống”.

Bài làm

Từ khi con người xuất hiện trên trái đất thì môi trường đã là điều kiện không thể thiếu cho sự sống, sự tồn tại, phát triển của con người. Nhưng bây giờ thế giới ngày càng phát triển nên không mấy ai quan tâm đến việc bảo vệ môi trường. không chỉ vậy con người chúng ta còn đang phá hoại môi trường vì nhu cầu của chính mình. Họ không biết rằng “đời sống của chúng ta sẽ bị tổn hại rất lớn nếu mỗi người không có ý thức bảo vệ môi trường”.

Vậy môi trường là gì? Môi trường là những điều kiện bao quanh con người . Đó có thể là những điều kiện có sẵn trong tự nhiên như rừng cây, sông, núi... hoặc đó có thể là những điều kiện do con người tạo ra như trường học, nhà máy, bệnh viện... tất cả những điều kiện đó luôn ảnh hưởng đến sự tồn tại, phát triển của con người.

Môi trường có vai trò rất quan trọng trong đời sống của chúng ta. Môi trường cung cấp cho chúng ta các điều kiện thiết yếu để sinh tồn : không khí để thở, nguồn nước để uống, động thực vật để làm thức ăn... chính vì vậy C.Mac từng nói « môi trường cho chúng ta điều kiện để ăn, mặc, ở ». Một môi trường tốt, không khí trong lành sẽ ngăn cản sự phát triển của các vi sinh vật có hại, sẽ có nguồn thức ăn dồi dào, nguồn nước đảm bảo vệ sinh. Và có cả những cảnh quan tuyệt đẹp như sông núi, rừng cây để đắm chìm tâm hồn mình vào đó sau những giờ phút làm việc căng thẳng... có thể nói môi trường sống và con người có mối quan hệ chặt chẽ

với nhau. Nếu đối xử tốt với môi trường nó sẽ là người bạn của chúng ta. Còn nếu phá hoại môi trường nó sẽ trả thù chúng ta.

Mặc dù có vai trò quan trọng như vậy nhưng môi trường lại đang bị tàn phá nghiêm trọng. Đầu tiên phải nói đến thói quen xấu là xả rác bừa bãi. Rác thải có thể là từ sinh hoạt hàng ngày và từ các nhà máy. Các loại rác thải chưa được xử lý đã thải thẳng xuống sông, hồ, kênh, mương.

Những con sông nước trong xanh trở thành con sông rác. Như con sông Tô Lịch ngay cạnh nhà em nước sông đã đục ngòm bởi rác thải đổ xuống. Mỗi lần đi qua, em đều cảm thấy mùi hôi khó chịu bốc lên. Những con đường sạch đẹp cũng tràn ngập rác. Những nhà máy, xí nghiệp vì lợi ích trước mắt xả lên trời những cuộn khói đen ngòm khiến bầu không khí ngày càng ô nhiễm. Nhiều rác thải là những bao bì nilông không phân hủy được.

Những rác thải đó cản trở sự phát triển của đất. Bên cạnh việc xả rác đất đai cũng đang bị con người khai thác cạn kiệt. Dân số ngày càng tăng nhà cửa ngày càng nhiều làm tăng diện tích đất ở, giảm diện tích đất trồng trọt. Con người phải đối diện với nạn thiếu lương thực, thực phẩm. Còn nguồn nước bị nhiễm độc do hóa chất, rác thải. Nguồn nước sạch ngày càng khan hiếm. Đau xót biết bao khi có những ngôi làng nhiều người bị ung thư do nguồn nước không đảm bảo. Bên cạnh đó nạn chặt phá rừng diễn ra thường xuyên. Bọn lâm tặc vì lợi nhuận mà đã đốn hạ những thân cây gỗ hàng trăm năm tuổi. Điều này đã gây ra những hậu quả rất lớn. Vào mùa mưa những cơn lũ hung hãn từ thượng nguồn đổ xuống, cuốn phăng nhà cửa, ruộng vườn cướp đi sinh mạng của biết bao người. Và cả hiện tượng xói mòn đất đai vì không được rừng che phủ. Tất cả đều là hậu quả của việc chặt phá rừng. Không chỉ chặt phá rừng còn cả nạn đánh bắt cá bằng thuốc nổ ảnh hưởng không nhỏ tới môi trường xung quanh. Và hiện tượng khai

thác cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên đã khiến cho các loài động thực vật quý hiếm bị tuyệt chủng. Loài hổ bị người ta săn bắt để lấy cao. Việc này khiến số lượng cá thể hổ dần giảm sút. Trong tương lai con cháu chúng ta sẽ chỉ biết loài chúa sơn lâm này qua tranh ảnh. Thực sự là môi trường đang kêu cứu mong chúng ta có thái độ tốt hơn.

Để chấm dứt tình trạng làm tổn hại tới thiên nhiên này, nhà nước cần tuyên truyền để mọi người hiểu rõ hơn vai trò của môi trường và hậu quả của việc môi trường bị hủy hoại nghiêm trọng. Cũng cần nghiêm khắc phê phán, xử lý nghiêm những kẻ có hành vi gây hại tới môi trường và tài nguyên thiên nhiên. Bảo vệ môi trường là nhiệm vụ trọng yếu, cấp bách của mỗi quốc gia. Mỗi người phải tự có ý thức bảo vệ môi trường sống. Cần phải nhắc nhở mọi người xung quanh không được làm hại đến môi trường. Là một học sinh em cũng cần góp phần bảo vệ môi trường xung quanh. Em không bao giờ xả rác bừa bãi và rất hạn chế sử dụng bao bì nilon. Em cũng cố gắng nhắc nhở các bạn không được vứt rác ra trường lớp. Em thường xuyên tham gia dọn vệ sinh trường lớp, khu phố và tham gia trồng cây xanh để làm cho môi trường ngày càng xanh, sạch, đẹp hơn.

Thật là đúng khi nói đời sống của chúng ta sẽ bị tổn hại rất lớn nếu mỗi người không có ý thức bảo vệ môi trường sống. Và ngay từ bây giờ mỗi chúng ta hãy chung tay, góp sức để bảo vệ môi trường bạn nhé !

(Bài làm của học sinh Vương Ngọc Diệp, lớp 7G)

Đề bài

Ông cha ta thường dạy

Một cây làm chẳng nên non

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao

Bằng vốn kiến thức và sự hiểu biết của mình em hãy chứng minh tính đúng đắn của lời dạy trên.

Bài làm

Bác Hồ đã từng dạy « đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công ». Tư tưởng ấy của Người bắt nguồn từ những bài học sâu sắc trong lịch sử và cả trong vốn văn hóa của dân tộc. Tục ngữ Việt Nam cũng từng đúc kết kinh nghiệm :

« Một cây làm chẳng nên non

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao »

Đây là một lời dạy thật đúng đắn.

Câu tục ngữ gợi lên hình ảnh rất sinh động : một cây bé nhỏ, đơn độc thì làm chẳng nên non nhưng ba cây chụm lại thì nên hòn núi cao. Nhưng nếu chỉ nói chuyện cây và núi thì câu tục ngữ đã không sống lâu bền với thời gian như vậy. « Một cây » và « ba cây » là hình ảnh của cá nhân và tập thể. Và « non » « núi cao » là hình ảnh của những công việc khó khăn. Câu tục ngữ đưa ra một nhận định : một cá nhân đơn lẻ thì khó làm nên việc lớn. muốn làm nên những công việc khó khăn vất vả con người phải biết đoàn kết lẫn nhau. Đó chính là bài học về tinh thần đoàn kết gắn bó cộng đồng.

Tính đúng đắn của câu tục ngữ đã được dân tộc ta chứng minh qua nhiều thế hệ bằng thực tế cuộc sống chiến đấu và lao động của dân tộc. Trong những cuộc kháng chiến gian khó, nguy hiểm nhất của dân tộc nhân dân ta

vẫn đoàn kết một lòng vượt qua để chiến đấu và chiến thắng. Thế kỉ XIII đất nước ta phải đương đầu với kẻ thù hùng mạnh nhất thế giới đó là giặc Mông Nguyên. Vó ngựa Mông Nguyên đi tới đâu cỏ cây không mọc được đến đó. Chúng đã chiếm được những vùng đất đai rộng lớn và nay cũng ôm mộng xâm lược Đại Việt. nhưng nhân dân Đại Việt dưới sự lãnh đạo của vua tôi nhà Trần đã không cam tâm chịu thua. Từ hội nghị Bình Than đến hội nghị Diên Hồng đều một lòng quyết tâm xin đánh. Với sức mạnh như vũ bão của cả một dân tộc, ba lần quân Mông Nguyên xâm lược là ba lần chúng chịu thua phải rút lui. Bước vào thế kỉ XX đối mặt với sự xâm lược của hai đế quốc hùng mạnh nhất : thực dân Pháp và đế quốc Mỹ dân tộc ta lại càng phát huy tinh thần đoàn kết keo sơn. Bác Hồ đã kêu gọi toàn quốc kháng chiến, bất kể đàn ông, đàn bà, người già, người trẻ không phân biệt tôn giáo, đẳng cấp đều đứng lên chống giặc. Ngay cả khi miền Bắc đã được giải phóng vẫn chi viện cho miền Nam đánh Mỹ. Những phong trào lao động sản xuất nổi lên như « mỗi người làm việc bằng hai », « lao động giỏi », « cò ba nhất »...

Nhưng lịch sử cũng chứng minh những trường hợp thật đau lòng « một cây làm chẳng nên non » trong lịch sử. Đó là cha con Hồ Quý Ly vì cướp ngôi nhà Trần làm mất lòng dân nên phải đơn phương trong cuộc chiến chống giặc Minh xâm lược. Cuối cùng nhà Hồ làm mất nước ta vào tay giặc. Đó còn là bè lũ Lê Chiêu Thống làm li tán lòng người để kẻ thù tranh thủ sang xâm chiếm nước ta.

Ngày nay, tiếp thu bài học của cha ông, đất nước ta đang phát huy sức mạnh đoàn kết toàn Đảng, toàn dân để xây dựng đời sống đưa đất nước phát triển hội nhập với thế giới. Để xứng đáng với vai trò là chủ nhân tương lai của đất nước những người học sinh chúng em cần biết học tập

tin thần đoàn kết để xây dựng tập thể lớp đoàn kết và tạo nên mối quan hệ hòa thuận, yêu thương trong gia đình mình.

Lời khuyên của cha ông ta từ ngàn xưa không chỉ có ý nghĩa với một thời mà luôn đúng với mọi thời. Mỗi chúng ta hãy luôn học tập lời khuyên ấy để thành công và xây dựng một đất nước Việt Nam giàu đẹp, tình nghĩa.

(Bài làm của học sinh Hoàng Gia Bách, lớp 7G)

TƯ LIỆU THAM KHẢO

- 1) Nguyễn Khắc Phi (Tổng chủ biên)- *Sách giáo khoa Ngữ văn 6 tập 1*, NXB giáo dục, năm 2014.
- 2) Nguyễn Khắc Phi (Tổng chủ biên)- *Sách giáo khoa Ngữ văn 6 tập 2*, NXB giáo dục, năm 2014.
- 3) Nguyễn Khắc Phi (Tổng chủ biên)- *Sách giáo khoa Ngữ văn 7 tập 2*, NXB giáo dục, năm 2014.
- 4) Nguyễn Khắc Phi (Tổng chủ biên)- *Sách giáo khoa ngữ văn 8 tập 1*, NXB giáo dục, năm 2013.
- 5) Nguyễn Khắc Phi (Tổng chủ biên)- *Sách giáo viên Ngữ văn 7 tập 2*, NXB giáo dục, năm 2014.
- 6) Nguyễn Khắc Phi (Tổng chủ biên)- *Sách giáo viên Ngữ văn 8 tập 1*, NXB giáo dục, năm 2013.
- 7) Phan Trọng Luận (chủ biên)- *Phương pháp dạy học văn tập 1*, NXB Đại học sư phạm, năm 2004.
- 8) Phan Trọng Luận (chủ biên)- *Phương pháp dạy học văn tập 2*, NXB Đại học sư phạm, năm 2004.